

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **145/2025/DSST**
Ngày: 06/9/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc An**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Huỳnh Thanh Minh**.

2. Ông **Nguyễn Văn Cường**.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Phụng**.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở 2 Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2025/TLST-DS ngày 29/7/2025 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2025/QĐXXST-DS ngày 14/8/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Lê Ngọc B**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố L, phường B, tỉnh Đồng Tháp).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị B: Luật sư **Trần Ngọc Q** – Văn phòng Luật sư Trần Ngọc Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

Địa chỉ: Số A, Trần Công T, khu phố A, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn:* 1. Anh **Dương Tấn T1**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2. Chị **Nguyễn Thị Thanh T2**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Ngọc B trình bày:*

Trước đây, ông Dương Tấn T1 có vay tiền của ông Lê Ngọc B vào các ngày như sau:

-Ngày 09/5/2024, anh Dương Tấn T1 có vay tiền của ông Lê Ngọc B số tiền là 200.000.000 đồng.

-Ngày 09/6/2024, anh Dương Tấn T1 có vay tiền của ông Lê Ngọc B số tiền là 100.000.000 đồng.

-Ngày 24/4/2025, anh Dương Tấn T1 có vay tiền của ông Lê Ngọc B số tiền là 200.000.000 đồng.

-Ngày 25/4/2025, anh Dương Tấn T1 có vay tiền của ông Lê Ngọc B số tiền là 150.000.000 đồng.

-Ngày 09/5/2025, anh Dương Tấn T1 lại tiếp tục vay tiền của ông Lê Ngọc B số tiền là 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà anh Dương Tấn T1 đã vay của ông B là 850.000.000 đồng với lãi suất tự thỏa thuận. Kể từ ngày hai bên thống nhất Hợp đồng vay tiền nêu trên cho đến nay, anh T1 đã vi phạm nghiêm trọng nội dung Hợp đồng về nghĩa vụ đóng tiền lãi suất.

Trong những lần vay tiền nói trên, anh T1 có làm giấy và ký Hợp đồng ủy quyền cho ông Bích phần diện tích 2834,6m², thửa đất số 183, TĐĐ số 8 (bản chính giấy chứng nhận QSDĐ hiện nay ông B đang giữ). Ông B nhiều lần yêu cầu anh T1 phải trả toàn bộ số tiền đã vay nhưng anh T1 không trả, cố tình tránh mặt, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B.

Nay ông Lê Ngọc B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Ngọc B số tiền vay tổng cộng là 850.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 6 năm 2025 đến khi xét xử sơ thẩm. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Khi anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 trả hết số tiền 850.000.000 đồng, ông Lê Ngọc B đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận QSDĐ và hủy Hợp đồng ủy quyền sử dụng đối với thửa đất số 193, TĐĐ số 08, đất tọa lạc tại ấp H, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp), theo giấy chứng nhận QSDĐ số CS06255 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Dương Tấn T1 ngày 24/9/2020.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc B dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

** Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Lê Ngọc B là Luật sư Trần Ngọc Q trình bày:*

- Ông Lê Ngọc B có cho vợ chồng anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 vay tiền tổng cộng 05 lần với số tiền là 850.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền hoặc hợp đồng vay tiền, anh T1 có ký tên và lấn tay vào các giấy mượn tiền và hợp đồng vay tiền, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay tiền mở công ty kinh doanh. Khi vay tiền anh T1 có đưa cho ông B giữ 01 giấy chứng nhận QSDĐ do anh Dương Tấn T1 đứng tên và ông T1 có làm hợp đồng ủy quyền cho ông B toàn quyền định đoạt giấy chứng nhận QSDĐ mà anh T1 đưa cho ông Bích giữ. Anh T1 có trả tiền lãi cho ông B nhưng từ tháng 5/2025 thì anh T1 không đóng tiền lãi cho đến nay. Ông B nhiều lần yêu cầu anh T1 phải trả toàn bộ số tiền đã vay nhưng anh T1 không trả, cố tình tránh mặt, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Ngọc B số tiền vay tổng cộng là 850.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 6 năm 2025 đến khi xét xử sơ thẩm là 03 tháng với số tiền lãi là 42.330.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là 892.330.000 đồng. Thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

- Khi anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 trả hết số tiền 892.330.000 đồng, ông Lê Ngọc B đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận QSDĐ

và hủy Hợp đồng ủy quyền sử dụng đối với thửa đất số 193, TĐĐ số 08, đất tọa lạc tại ấp H, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp), theo giấy chứng nhận QSDĐ số CS06255 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Dương Tấn T1 ngày 24/9/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Dương Tấn T1 và bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, ông Lê Ngọc B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, theo đó ông Lê Ngọc B yêu cầu anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Ngọc B số tiền vay tổng cộng là 850.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 6 năm 2025 đến khi xét xử sơ thẩm là 03 tháng với số tiền lãi là 42.330.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là 892.330.000 đồng. Thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật. Khi anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 trả hết số tiền 892.330.000 đồng, ông Lê Ngọc B đồng ý trả lại cho anh Dương Tấn T1 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ và hủy Hợp đồng ủy quyền sử dụng đối với thửa đất số 193, TĐĐ số 08, đất tọa lạc tại ấp H, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp), theo giấy chứng nhận QSDĐ số CS06255 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Dương Tấn T1 ngày 24/9/2020.

[4] Theo nội dung các giấy tay mượn tiền và hợp đồng vay tiền vào các ngày 09/5/2024, ngày 09/6/2024, ngày 24/4/2025, ngày 25/4/2025 và ngày 19/5/2025, anh Dương Tấn T1 có mượn của ông Lê Ngọc B tổng cộng số tiền 850.000.000 đồng, anh T1 có ký tên và lấn tay vào các giấy tay vay tiền và hợp đồng vay tiền, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay tiền mở công ty kinh doanh. Anh T1 có trả tiền lãi cho ông B nhưng từ tháng 6/2025 thì anh T1 không đóng tiền lãi cho đến nay. Ông B nhiều lần yêu cầu anh T1 phải trả toàn bộ số tiền đã vay nhưng anh T1 không trả, cố tình tránh mặt, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Do đó nguyên đơn ông Lê Ngọc B khởi kiện yêu cầu phía bị đơn anh Dương Tấn T1 phải trả số tiền vay và tiền lãi đến ngày 06/9/2025 tổng cộng là 892.330.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về yêu cầu nghĩa vụ liên đới của ông Lê Ngọc B đối với chị Nguyễn Thị Thanh T2, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, ông Lê Ngọc B cho rằng anh T1 và chị T2 hiện nay vẫn là vợ chồng tuy chị T2 không ký tên hay lấn tay vào các lần vay tiền với ông Lê Ngọc B nhưng mục đích vay tiền để mở công ty kinh doanh kiếm nguồn thu nhập chăm lo cuộc sống gia đình.

Xét thấy, theo quy định Điều 3 luật Hôn nhân và gia đình 2014 giải thích “Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình”.

Tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình” và tại khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của luật này”

Căn cứ vào những quy định trên, anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 là vợ chồng hợp pháp, số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh chị và nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Dương Tấn T1 trả cho ông Lê Ngọc B số tiền nợ 892.330.000 đồng, là có căn cứ.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc B, buộc anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Ngọc B số tiền vay tổng cộng là 850.000.000 đồng và tiền lãi là 42.330.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là 892.330.000 đồng. Thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật

[6] Bị đơn anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[8] Về án phí: Bị đơn anh Dương Tấn T1 và bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T2 liên đới chịu 38.769.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông Lê Ngọc B số tiền 18.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc B.

1. Buộc anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 phải trả cho ông Lê Ngọc B số tiền vốn và tiền lãi là 892.330.000 đồng. Trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Ngọc B có nghĩa vụ trả lại cho anh Dương Tấn T1 bản chính giấy chứng nhận QSDĐ và hủy Hợp đồng ủy quyền sử dụng đối với thửa đất số 193, TĐĐ

số 08, đất tọa lạc tại ấp H, xã L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố H, phường S, tỉnh Đồng Tháp), theo giấy chứng nhận QSDĐ số CS06255 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Dương Tấn T1 ngày 24/9/2020 khi anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 trả hết số tiền 892.330.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 liên đới chịu 38.769.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông Lê Ngọc B số tiền 18.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000615 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Tấn T1 và chị Nguyễn Thị Thanh T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự; **Nguyễn Quốc An**
- Lưu hồ sơ, án văn.